

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 02 - 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
- Ông Đặng Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Viết Xuân Hoà - Thư ký Tòa án nhân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 517/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1994; CCCD số: 074194007650; địa chỉ: Đường P, tổ A, khu phố P, phường P, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; CCCD số: 030093000937; địa chỉ thường trú: thôn N, xã T, Thành phố Hải Phòng; địa chỉ tạm trú: Đường P, tổ A, khu phố P, phường P, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:**

Năm 2023, bà L và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, Thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140/2023 ngày 29/12/2023.

Lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây bà L và ông T luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc bà L và ông T không hợp tính nhau, không có tiếng nói chung. Mặc dù đã cố gắng khắc phục nhưng ông T vẫn không thay đổi, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, từ đó mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.
- Về con chung: trong quá trình chung sống, bà L và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 16/3/2024. Bà L yêu cầu sau khi ly hôn bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.
- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 16/3/2024 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 31/12/2025, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau:***

Bà L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 16/3/2024 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Bà L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**** Quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.***

Tại phiên toà, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Ngọc L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn – ông Nguyễn Văn T được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không rõ lý do.

****Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông

Nguyễn Văn T nên quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

[1.2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc L có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt và bị đơn – ông Nguyễn Văn T vắng mặt lần 2 đối với việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà L và ông T theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, Thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140/2023 ngày 29/12/2023 nên hôn nhân của bà L và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hai vợ chồng cãi vã thường xuyên, vợ chồng không có tiếng nói chung trong tất cả vấn đề cuộc sống. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng, không có tiếng nói chung, dù đã nhiều lần cố gắng khắc phục nhưng ông T không thay đổi, tình cảm vợ chồng không đạt được mục đích. Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia hòa giải đoàn tụ. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc bà L và ông T là vợ chồng nhưng không còn yêu thương nhau, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình. Quá trình tố tụng Tòa án triệu tập hợp lệ ông T nhiều lần nhưng ông T không đến Tòa án làm việc được xem như từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh. Việc ông T không tham gia hòa giải đoàn tụ đã thể hiện ý chí của ông T không muốn hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nên Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 16/3/2024. Hiện tại cháu N còn nhỏ và đang do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp, đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm sinh lý và sự phát triển toàn diện của con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ngọc L rút yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông T về việc yêu cầu ông T

phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 16/3/2024 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Bà L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 14; các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L đối với bị đơn Nguyễn Văn T về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc L đối với bị đơn – ông Nguyễn Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 16/3/2024 cho bà Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0039996 ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND Ủy ban nhân dân xã Thượng Hồng, Thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 140/2023 ngày 29/12/2023)
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong